

**UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 1472 /SNN-QLCT

V/v thông báo kết quả thẩm định  
báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng  
công trình: Xây dựng ngầm qua suối.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn.

Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị đã nhận Tờ trình số 143/TTr-BQL ngày 20/7/2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn về việc thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng ngầm qua suối (kèm theo hồ sơ trình thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án sử dụng số tiền thu được từ bán đấu giá khai thác gỗ rừng trồng dự án 661 đã chuyển đổi sang rừng sản xuất đưa vào khai thác năm 2019 cho Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng ngầm tràn qua suối;

Căn cứ Văn bản số 485/CCKL-QLBVR ngày 04/8/2020 của Chi cục Kiểm lâm về việc tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ thiết kế công trình xây ngầm qua suối năm 2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do đơn vị tư vấn lập gửi kèm tờ trình đề nghị thẩm định;

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng ngầm qua suối với các nội dung như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

**1. Công trình:** Xây dựng ngầm qua suối.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình lâm nghiệp, cấp IV.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông kết nối giữa các đường lâm nghiệp và đường ranh cản lửa trong khu vực cũng như tạo thuận lợi trong công tác tuần tra, kiểm soát và phòng cháy, chữa cháy rừng.

**4. Chủ đầu tư:** Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn.

**5. Dự toán xây dựng công trình (trình thẩm định): 1.161.407.000 đồng.**

**6. Nguồn vốn:** theo Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh

**7. Địa điểm xây dựng:** xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

**8. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập BCKTKT:** Công ty cổ phần Tiềm Long Quảng Trị.

**9. Nội dung và quy mô đầu tư:**

Xây dựng mới ngàm tràn qua suối với tổng chiều dài  $L=335,24\text{m}$ . Trong đó: đoạn ngàm tràn qua suối dài  $24,24\text{m}$ ; tuyến đường dẫn T1 hai đầu tràn có chiều dài  $226,11\text{m}$  và tuyến đường nhánh T2 có chiều dài là  $85,05\text{m}$ .

**9.1. Ngàm qua suối:**

- Kết cấu ngàm tràn qua suối: Kết cấu mặt tràn bằng bê tông xi măng (BT) M300 đá  $2 \times 4$  dày  $25\text{cm}$ , dưới lót bạt nilon đặt trên lớp đệm cấp phối đá dăm  $D_{\max}=37,5$  dày  $10\text{cm}$ . Độ dốc ngang mặt tràn  $i=3\%$  dốc về 02 phía, hệ số mái tràn thượng lưu tràn  $m=2,0$  và hạ lưu  $m=3,0$ . Gia cố mái ta luy thượng, hạ lưu tràn bằng BT M150 đá  $2 \times 4$  dày  $15\text{cm}$ ; chân khay thượng, hạ lưu kết cấu bằng BT M150 đá  $2 \times 4$ , phía ngoài chân khay gia cố bằng rọ đá kích thước  $(2,0 \times 1,0 \times 0,5)\text{m}$  (tận dụng đá cuội, sỏi lòng suối).

- Công trình thoát nước ngang: Xây dựng 03 cống tròn, khẩu độ  $D=1,0\text{m}$ , hình thức bằng ống bê tông ly tâm đúc sẵn M250, 02 lớp thép, dày  $10\text{cm}$ ; móng thân cống, tường cửa vào, cửa ra kết cấu bằng BT M150 đá  $1 \times 2$ , dưới lót bạt nilon và đặt trên lớp đệm cấp phối đá dăm  $D_{\max}=37,5$  dày  $10\text{cm}$ .

**9.2. Đường dẫn hai đầu tràn:**

- Nền đường rộng  $B=4,5\text{m}$ , độ dốc mặt đường  $i=3\%$ , lề đường  $i=4\%$  dốc về 02 phía, đối với đoạn nền đắp: đắp đất C3, đầm chặt  $K \geq 0,95$ , đoạn nền đào: đầm chặt bằng lu tăng cường  $K \geq 0,95$ ; Mái ta luy đường đối với nền đào  $m=0,5$  và nền đắp  $m=1,0$ . Rãnh thoát nước dọc 2 bên tuyến hình thức rãnh đất, kết cấu hình thang, chiều rộng đáy  $b=0,4\text{m}$ , hệ số mái  $m=1$ ; Riêng đoạn tiếp giáp 2 đầu ngàm tràn với tổng chiều dài  $L=87\text{m}$ : nền đường được gia cố bằng bê tông M250 đá  $2 \times 4$  dày  $18\text{cm}$ , chiều rộng mặt đường  $b=3,5\text{m}$ , dưới lót bạt nilon và đặt trên lớp móng đệm cấp phối đá dăm  $D_{\max}=37,5$ , rãnh thoát nước 2 bên đường gia cố bằng bê tông M150 đối với đáy rãnh và bê tông tấm lát M150 kích thước  $(40 \times 40 \times 7)\text{cm}$  đối với mái rãnh.

- Cống thoát nước ngang tại  $\text{Km}0+142,11$  trên tuyến đường T1: hình thức cống bản, khẩu độ  $b \times h=(1,0 \times 0,85)\text{m}$ , chiều dài cống  $L=6,0\text{m}$ . Kết cấu móng và tường bằng bê tông M150 đá  $2 \times 4$ , xà mũ và tấm đan kết cấu bằng bê tông cốt thép M250 đá  $1 \times 2$ .

**II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

**1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:**

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Hồ sơ bản vẽ thiết kế, thuyết minh Báo cáo KTKT và dự toán xây dựng;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

**2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:**

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản và tính toán;
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXDVN 7025-2012: Tiêu chuẩn đường ô tô lâm nghiệp - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4447 - 2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khác.

**3. Nội dung và quy mô đầu tư công trình:** Theo Tờ trình số 143/TTr-BQL ngày 20/7/2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn.

**4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng:**

- Dự toán xây dựng công trình được lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công được xác định theo Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị; Giá Vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị lấy theo Văn bản số 1166/CB-SXD-STC ngày 20/7/2020 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính.

- Chi phí quản lý dự án và một số chi phí tư vấn đầu tư xây dựng xác định theo Thông tư số 16/QĐ-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Các chi phí khác xác định theo các văn bản quy định hiện hành khác.

### III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KT - KT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Việc đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nguồn vốn được bố trí tại Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị;

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng: *Công ty cổ phần Tiềm Long Quảng Trị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực hành nghề để thực hiện công tác khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.*

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: *Công trình đáp ứng được các yêu cầu về quy mô, nhiệm vụ công trình với nguồn vốn đầu tư.*

4. Công trình tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: *đã tuân thủ.*

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: *đã phù hợp.*

6. Giải pháp thiết kế hệ thống kỹ thuật công trình đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ.

7. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế: *không*

8. Khối lượng chủ yếu của dự toán phù hợp với khối lượng thiết kế.

9. Phương pháp lập dự toán phù hợp với thông tư hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng. Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán công trình phù hợp với các quy định hiện hành.

**10. Dự toán xây dựng công trình (sau thẩm định): 1.162.118.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, một trăm mười tám ngàn đồng chẵn).**

Trong đó:

*ĐVT: đồng*

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị đề nghị	Giá trị thẩm định	Tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	990.958.000	991.694.000	+736.000
2	Chi phí QLDA	30.799.000	28.020.000	-2.779.000
3	Chi phí tư vấn	131.849.000	131.893.000	+44.000
4	Chi phí khác	7.801.000	10.511.000	2.710.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.161.407.000</b>	<b>1.162.118.000</b>	<b>+711.000</b>

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

Lý do tăng/giảm so với Tờ trình: *Điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí tư vấn, bổ sung chi phí bảo hiểm công trình và cập nhật lại giá nhiên, vật liệu theo thông báo giá mới nhất của Tỉnh.*

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình được lập phù hợp, đảm bảo yêu cầu về nội dung theo quy định hiện hành, đủ điều kiện xem xét, phê duyệt.

- Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCT.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Xuân Hòa**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG NGẦM QUA SUỐI**

*(Kèm theo Văn bản số 1472 /SNN-QLCT ngày 12 /8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>901.539.598</b>	<b>90.153.961</b>	<b>991.694.000</b>	<b>Gxd</b>
	Ngầm Qua suối			Bảng tính	372.306.966	37.230.697	409.537.663	
	Tuyến đường T1				436.094.256	43.609.426	479.703.682	
	Tuyến đường T2				93.138.376	9.313.838	102.452.214	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,108%</b>			Gxd trước thuế x tỷ lệ	<b>28.019.851</b>		<b>28.020.000</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>119.902.649</b>	<b>11.990.265</b>	<b>131.893.000</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	40.680.650	4.068.065	44.749.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	6,2%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	55.800.000	5.580.000	61.380.000	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 16/2019/TT-BXD)	2,598%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	23.421.999	2.342.200	25.764.000	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>10.511.925</b>		<b>10.511.000</b>	<b>Gk</b>
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,30%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.704.619		2.705.000	
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	110.401		110.000	
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,57%		Tổng mức đầu tư sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ	6.624.073		6.624.000	
4.4	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 34/2020/TT- BTC)	0,121%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	545.431		545.000	
4.5	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 34/2020/TT- BTC)	0,117%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	527.401		527.000	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.059.974.023</b>	<b>102.144.226</b>	<b>1.162.118.000</b>	<b>Gxdct</b>

*Bảng chữ: Một tỷ một trăm sáu mươi hai triệu một trăm mười tám nghìn đồng./.*